

Số: **218** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **16** tháng **6** năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Xây dựng Gia Lộc Khang và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 04/5/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Xây dựng Gia Lộc Khang

Mã số thuế: **4500575187**

Địa chỉ: Tân Sơn 2, xã Thành Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng

Địa chỉ: Tân Sơn 2, xã Thành Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1391

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 1023/GCN-BXD ngày 22/7/2019./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xây dựng Gia Lộc Khang;
- SXD tỉnh Ninh Thuận;
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1391

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 2.18./GCN-BXD, ngày 16 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Xi măng		
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
5	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2004
Cốt liệu cho bê tông và vữa		
1	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:2006
13	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
14	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit	TCVN 7572-16:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
18	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419
Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:2022
4	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
5	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
6	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
7	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
8	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
9	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
10	Xác định cường độ chịu kéo khi bừa	TCVN 3120:2022
11	Kiểm tra đánh giá độ bền	TCVN 5440:1991
12	Đánh giá cường độ bê tông trên cấu kiện hoặc kết cấu công trình	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:2006
Vữa xây dựng		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022

4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09:2022
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
8	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
9	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
Gạch		
1	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
2	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ hút nước; độ chịu lực xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên và độ cứng lớp mặt, độ bền nén	TCVN 6065:1995
3	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
4	Gạch xây: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; khối lượng riêng, xác định độ rỗng; xác định vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355:2009
Sơn		
1	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
2	Sơn - phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
3	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo xác định: Màu sắc; Thời gian khô; Độ bền nhiệt; Độ chống trượt; Nhiệt độ hóa mềm; Độ mài mòn; Khối lượng riêng; Độ dính bám	TCVN 8791:2011; ASTM D6628
4	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước xác định: Độ mịn; Độ nhớt; Màu sắc; Độ bám dính; Độ chống loang màu; Độ mài mòn	TCVN 8786:2018
Kim loại và mối hàn		
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009)
2	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn ống - Thử nén bẹp	TCVN 5402:2010
4	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
5	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
6	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cấy, đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM A370
7	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
Nước xây dựng		
1	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26-79
2	Xác định hàm lượng clorua (CL)	TCVN 6194:1996; ASTM D512:04
3	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:1996; ASTM D516:102
4	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
5	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
6	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:2000
Đất, cấp phối đá dăm		
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012

6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 8821:2011
10	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
11	Vật liệu nền, móng mặt đường - phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
12	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434
13	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
14	Xác định đặc trưng trương nở của đất sét	TCVN 8719:2012
15	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
16	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
	Hiện trường	
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
2	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	AASHTO T191 22TCN 346:2006
3	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
4	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
5	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng Cẩn đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695:96; AASHTO T256:77
6	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965:96
7	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98
8	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
9	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
10	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022
11	Thử nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trực	TCVN 9393:2012
12	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
13	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92
14	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
15	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
16	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
17	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
18	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014
	Bentonite	
1	Xác định: Khối lượng riêng, Độ nhớt, Hàm lượng cát, Tỷ lệ chất keo, Lượng mất nước, Độ dày áo của sét, Độ pH, Độ ổn định, Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017 TCVN 9395:2012
	Nhựa bitum	
1	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
3	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
4	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
5	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
6	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005

7	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:2005
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
9	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005
10	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
11	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
12	Xác định độ đàn hồi; xác định độ ổn định lưu trữ; xác định độ nhớt	TCVN 11808:2017
	Bê tông nhựa	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
14	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
15	Bê tông nhựa - Xác định khả năng kháng âm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914:2020
	Cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa	
1	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
2	Xác định: hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước;	22TCN 58:1984
3	Xác định: khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Nhũ tương nhựa đường gốc axit	
1	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
3	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
6	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
7	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
8	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011
9	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
10	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
11	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
12	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
13	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	Nhựa đường lỏng	
1	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
2	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
4	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011

	Ống và phụ tùng nhựa: Polyetylen (Pe), Polypropylen (PP), Polyvinyl Clorua (PVC-U), HDPE	
1	Xác định đường kính, chiều dày thành ống	TCVN 6145:2007
2	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
3	Xác định độ bền thủy tĩnh	TCVN 6149-1,2,3:2007; (ISO 1167-1,2,3:2006)
4	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011 (ISO 9969:2007)
5	Xác định độ đàn hồi vòng	TCVN 8851:2011
6	Xác định độ bền kéo và dẫn dài	TCVN 7434:2004
7	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học, áp lực chịu nén ngoài của ống, áp lực trong của ống	TCVN 9070:2012
	Vải địa kỹ thuật, bấc thấm	
1	Vải địa kỹ thuật xác định: Lực kéo giật và độ dẫn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang, Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng; Áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến; Trọng lượng trên đơn vị diện tích; Chiều dày tiêu chuẩn; Cường độ chịu kéo theo phương dọc và phương ngang; Độ dẫn dài khi kéo đứt; Độ thấm xuyên; Khả năng thấm của vải địa kỹ thuật; Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và bấc thấm; Khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8871-1÷6:2011; TCVN 8487:2010; A STM D6241-00; A STM D4533-11; ASTM D4595; A STM D5261; ASTM D5199; ASTM D4491-99; ASTM D4716-03
2	Bấc thấm, vỏ bọc xác định: Khối lượng; Chiều dày; Khả năng thoát nước với áp lực; Lực chịu kéo; Độ dẫn dài; Hệ số thấm, Kích thước lỗ O95	TCVN 9355:2012; ASTM D3776; ASTM D5199; ASTM D4716; ASTM D4595; ASTM D4632
3	Lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh xác định: Cường độ chịu kéo khi đứt theo phương dọc; Cường độ chịu kéo khi đứt theo phương ngang; Độ giãn dài khi đứt theo phương dọc, Độ giãn dài khi đứt theo phương ngang; Độ bền nhiệt của lưới cốt sợi thủy tinh; Kích thước ô lưới; Mô đun	ASTM D6637; ASTM D5261

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.